NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1237 /CV-VPHĐQT.19	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Văn Tuấn

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-28) 3929 0999

Fax : (84-28) 3839 9885

Loại thông tin công bố: ☑ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 23/4/2019, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tại Khách sạn Sheraton Sài Gòn, số 88, Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Nghị quyết và biên bản họp đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn http://acb.com.vn/vn/about/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin từ ngày 24/4/2019.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *Lưu: VP HĐQT, Ph TH.*

S.Đ.K.K.D: 0301452948-1 - C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH

Đàm Văn Tuấn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH TOẠI

Digitally signed by NGUYỄN THANH TOẠI
DN: C=VN, S=TP Hồ Chí Minh, L=Quận 3, O=NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU, OU=BAN GIÁM ĐỐC, T=PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, CN=NGUYỄN THANH TOẠI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CMND: 020550522
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-24 13:51:46
Foxit Reader Version: 9.3.0

Mẫu Phụ lục II (Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN.)

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 225 /CVNB-ĐHĐCĐ.19

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU NĂM 2019

I. TỔNG QUÁT

1. **Thời gian:** Từ 08 giờ 35 phút, ngày 23/4/2019.

2. **Địa điểm:** Khách sạn Sheraton Sài Gòn, 88 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. **Hiện diện:**

a. Căn cứ kết quả báo cáo của Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ đông tham dự và được ủy quyền tham dự là: 476 người, đại diện cho 912.071.355 cổ phần, tương ứng 73,13% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ Điều 141 Luật Doanh nghiệp, Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Đại hội đồng cổ đông thường niên ACB đủ túc số hiện diện để tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.

b. Khách mời:

- Ông Võ Văn Thuần, Cục phó, Cục Thanh tra Giám sát Ngân hàng Tp. HCM;
- Ông Nguyễn Như Quỳnh, Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Bà Đỗ Thư Trang, Giám đốc, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM;
- Ông Nguyễn Hoàng Nam, Phó Tổng giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán PwC (Việt Nam).

4. **Chủ tọa đoàn:**

- Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT), Chủ tọa;
- Ông Nguyễn Thành Long, Phó Chủ tịch HĐQT;
- Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp, Trưởng Ban kiểm soát (BKS);
- Ông Đỗ Minh Toàn, Tổng giám đốc.

5. **Các thành viên HĐQT và BKS:**

- Các thành viên HĐQT tham dự Đại hội: Ông Hiep Van Vo, bà Đặng Thu Thủy và ông Đàm Văn Tuấn.
- Các thành viên BKS tham dự Đại hội: Bà Nguyễn Thị Minh Lan, bà Hoàng Ngân và bà Phùng Thị Tốt.

6. Ông Lê Thanh Hải, Luật sư trưởng, Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đọc Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông, thông báo số lượng cổ đông tham gia hoặc được ủy quyền tham gia và số cổ phần đại diện, xác định Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 có đủ điều kiện tiến hành và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành.

7. Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch HĐQT, phát biểu khai mạc.

8. Chủ tọa đoàn chỉ định Ban thư ký đại hội gồm: Ông Nguyễn Ngọc Chung, thư ký công ty và bà Phan Lạc Kim Trinh, thư ký công ty.

9. Ông Đàm Văn Tuấn, Thành viên HĐQT, thừa ủy quyền Chủ tọa, đề cử thành phần Ban kiểm phiếu, gồm ông Lê Thanh Hải (Luật sư trưởng) làm Trưởng Ban và các thành viên là ông Nguyễn Trung Nghĩa (Trưởng phòng Tuân thủ) và bà Đặng Thị Luyện (Chuyên viên Phòng Tuân thủ.)

10. Ông Đàm Văn Tuấn thừa ủy nhiệm của Chủ tọa đoàn, giới thiệu chương trình Đại hội.

11. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thành phần Ban kiểm phiếu bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành 100%; không tán thành 0%; và không có ý kiến 0%.

12. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chương trình họp Đại hội bằng hình thức giơ tay với tỷ lệ tán thành 100%; không tán thành 0%; và không có ý kiến 0%.

II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

1. **Đọc Tờ trình về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.**

2. **Bỏ phiếu biểu quyết đối với Quy chế biểu quyết.**

   Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết bằng tờ biểu quyết.

3. **Đọc các báo cáo và tờ trình.**

   3.1 Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu;

   3.2 Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2018;

   3.3 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018;

   3.4 Tờ trình về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019;

   3.5 Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;

   3.6 Tờ trình về mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;

   3.7 Tờ trình về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị bán cổ phiếu quỹ;

   3.8 Tờ trình về phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho

người lao động của Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;

3.9 Tờ trình về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;

3.10 Tờ trình về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;

3.11 Tờ trình về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.

4. **Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết về Quy chế biểu quyết.** (Biên bản kiểm phiếu đính kèm.)

5. **Đại hội thảo luận 11 vấn đề tại Mục II.3.**

- Cổ đông đặt câu hỏi và nêu kiến nghị có nội dung như sau:
  - Kết quả kinh doanh của ACB năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019: Cơ cấu lợi nhuận, tỷ lệ nợ xấu, tỷ lệ chi phí/doanh thu, các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, v.v.
  - Chiến lược phát triển của ACB giai đoạn 2019 – 2021, kế hoạch phát triển mảng ngân hàng số và mô hình tài chính tiêu dùng cá nhân.
  - Tiến trình áp dụng Basel II và tác động của việc áp dụng này đối với hoạt động của ACB.
  - Kiến nghị chia cổ tức sớm cho cổ đông.
  - Việc bán cổ phiếu quỹ ra thị trường và bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động ACB năm 2019.
  - Việc chuyển sàn niêm yết cổ phiếu ACB từ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sang Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HOSE).
- Đoàn chủ tọa trả lời đầy đủ câu hỏi của cổ đông và ghi nhận kiến nghị của cổ đông.

6. **Bỏ phiếu biểu quyết 11 vấn đề tại Mục II.3.**

Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết bằng tờ biểu quyết.

7. **Ông Võ Văn Thuần, Cục phó Cục Thanh tra Giám sát Ngân hàng Tp. HCM, phát biểu ý kiến về hoạt động của ACB.**

8. **Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết 11 vấn đề.** (Biên bản kiểm phiếu đính kèm.)

9. **Ông Trần Hùng Huy, Chủ tịch HĐQT, phát biểu.**

10. **Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các vấn đề sau:**

10.1 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*

10.2 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2018.

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2019, với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu như sau:

- Tổng tài sản tăng 15%;
- Tín dụng tăng 13%;
- Tiền gửi khách hàng tăng 15%;
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%;
- Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 7.279 tỷ đồng.

10.3 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Ngân hàng TMCP Á Châu. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*

10.4 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2019 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*

10.5 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

a. Kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018:

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2018	6.388.571.226.959
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.251.518.913.836
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	5.137.052.313.123
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	879.289.213.163
4a	Quỹ DTBSVĐL của ACB	256.215.786.955
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB	512.431.573.910
4c	Quỹ của các công ty con	10.641.852.298
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	100.000.000.000
5	Lợi nhuận 2018 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	4.257.763.099.960
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	746.914.426.960
	Trong đó:	
6a	Đã mua cổ phiếu quỹ	665.725.228.504
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2018 (5+6-6a)	4.338.952.298.416
8	Vốn điều lệ ACB	12.885.877.380.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.288.587.738
10	Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua	41.422.608
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2018 (9-10)	1.247.165.130
12	Chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu (30%)	3.741.495.390.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	597.456.908.416

b. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019:

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2019	7.279.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.455.800.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	5.823.200.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	964.355.204.749
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	100.000.000.000
5	Lợi nhuận 2019 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	4.858.844.795.251
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	1.263.182.136.920
	Trong đó:	
6a	Đã mua cổ phiếu quỹ	665.725.228.504
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2019 (5+6-6a)	5.456.301.703.667
8	Vốn điều lệ ACB	12.885.877.380.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.288.587.738
10	Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua	41.422.608
11	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2018 (30%)	374.149.539
12	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2019 (9-10+11)	1.621.314.669
13	Chia cổ tức năm 2019 (30%), trong đó: cổ phiếu (20%), tiền mặt (10%)	4.863.944.007.000
14	Lợi nhuận còn lại (7-13)	592.357.696.667

c. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo các quy định của pháp luật hiện hành.

10.6 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

a. Thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 12.885.877.380.000 đồng lên 16.627.372.770.000 đồng (tăng thêm 3.741.495.390.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

b. Thông qua nội dung thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ của Ngân hàng TMCP Á Châu từ 12.885.877.380.000 đồng lên 16.627.372.770.000 đồng.

c. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

d. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc có liên quan theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*

10.7 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019 như sau:

- 0,6% (không phẩy sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2019.

10.8 Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc bán cổ phiếu quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau: Ban hành (các) phương án bán một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu quỹ và phương án sử dụng vốn (sau đây gọi là "Phương Án") để xin chấp thuận và/hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Giá bán; Thời điểm thực hiện; Chỉnh sửa Phương Án nếu thấy cần thiết trong phạm vi số cổ phiếu quỹ của ACB; Lựa chọn đơn vị tư vấn; Nội dung tài liệu, hợp đồng, thỏa thuận cần phải ký với đối tác; Nội dung hồ sơ, tài liệu nộp lên cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Các vấn đề và thủ tục cần thiết hoặc nên làm để thực hiện thành công Phương Án.

Hội đồng quản trị được giao và/hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện bất kỳ quyền hay công việc nào được ủy quyền trên đây.

10.9 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động và Phương án sử dụng vốn như sau:

1. Phương án bán cổ phiếu quỹ:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu quỹ.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tổng số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán tối đa: 6.222.000 cổ phiếu.
- Giá bán dự kiến không thấp hơn giá vốn bình quân của cổ phiếu quỹ: 16.072 đồng/cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu quỹ bán ra tính theo mệnh giá: 62.220.000.000 đồng.
- Tổng giá trị giao dịch cổ phiếu tính theo giá bán dự kiến: 100.000.000.000 đồng.
- Nguồn tiền mua cổ phiếu quỹ: từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB.
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2019, thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế và hồ sơ xin phép các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phương án sử dụng vốn:

Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu quỹ sẽ được sử dụng để tăng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh. Phương án sử dụng vốn cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Ủy quyền:

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc bán cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau: Ban hành phương án bán cổ phiếu quỹ và phương án sử dụng vốn (sau đây gọi là "Phương Án") để xin chấp thuận và/hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Giá bán; Thời điểm thực hiện; và Các vấn đề và thủ tục cần thiết hoặc nên làm để thực hiện thành công Phương Án.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế về phân phối, thưởng cổ phiếu cho người lao động; phê duyệt danh sách người lao động được thưởng, phân phối.
- Hội đồng quản trị được giao/ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện bất kỳ quyền hay công việc nào được ủy quyền trên đây.

10.10 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*

10.11 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Quy chế (sửa đổi, bổ sung) về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*

10.12 Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành Quy chế (sửa đổi, bổ sung) về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu. *(Chi tiết theo tài liệu họp của Đại hội.)*

III. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Ông Đàm Văn Tuấn đọc dự thảo Biên bản họp. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Biên bản này bằng hình thức biểu quyết bằng tờ biểu quyết. (Biên bản kiểm phiếu đính kèm).

Đại hội kết thúc vào lúc 11 giờ 45 phút cùng ngày.

THƯ KÝ	**TM. CHỦ TỌA ĐOÀN** **CHỦ TỊCH HĐQT**
Nguyễn Ngọc Chung	**Trần Hùng Huy**

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 23/04/2019

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Hôm nay ngày 23/04/2019, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề theo chương trình của Đại hội.
Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Thông tin đại hội:

1. Tổng số lượng cổ đông (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 22/3/2019): **31.584 cổ đông**.
2. Tổng số cổ phần phát hành: **1.288.587.738 cổ phần**.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: **1.247.165.130 cổ phần**.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: **432 cổ đông**, chiếm **1,37%** trên tổng số cổ đông, đại diện cho **906.750.167 cổ phần**, chiếm **72,70%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề như sau:

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **866.338.905** cổ phần, chiếm **95,54%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **40.411.262** cổ phần, chiếm **4,46%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**264** cổ đông, chiếm **61,11%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **866.337.986** cổ phần, chiếm **95,54%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**1** cổ đông, chiếm **0,23%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **8** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**2** cổ đông, chiếm **0,46%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **911** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/04/2019.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Trang Nghiêm

Đặng Thị Luyện

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Lê Thanh Hải

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 23/04/2019

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI

Hôm nay ngày 23/04/2019, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề theo chương trình của Đại hội.
Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Thông tin đại hội:

1. Tổng số lượng cổ đông (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 22/3/2019): **31.584 cổ đông**.
2. Tổng số cổ phần phát hành: **1.288.587.738 cổ phần**.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: **1.247.165.130 cổ phần**.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: **476 cổ đông**, chiếm **1,51%** trên tổng số cổ đông, đại diện cho **912.071.355 cổ phần**, chiếm **73,13%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề như sau:

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.069.602** cổ phần, chiếm **99,23%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **7.001.753** cổ phần, chiếm **0,77%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**374** cổ đông, chiếm **78,57%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **903.439.035** cổ phần, chiếm **99,05%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**0** cổ đông, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **0** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**5** cổ đông, chiếm **1,05%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **1.630.567** cổ phần, chiếm **0,18%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2018

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.388.578** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.682.777** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**377** cổ đông, chiếm **79,20%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **905.375.978** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**0** cổ đông, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **0** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**3** cổ đông, chiếm **0,63%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **12.600** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.388.578** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.682.777** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**377** cổ đông, chiếm **79,20%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **905.187.658** cổ phần, chiếm **99,25%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**0** cổ đông, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **0** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**3** cổ đông, chiếm **0,63%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **200.920** cổ phần, chiếm **0,02%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

5. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.388.578** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.682.777** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**374** cổ đông, chiếm **78,57%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **903.655.997** cổ phần, chiếm **99,08%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**2** cổ đông, chiếm **0,42%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **2.410** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**4** cổ đông, chiếm **0,84%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **1.730.171** cổ phần, chiếm **0,19%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.387.557** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.683.798** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**373** cổ đông, chiếm **78,36%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **905.329.591** cổ phần, chiếm **99,26%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**2** cổ đông, chiếm **0,42%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **46.300** cổ phần, chiếm **0,01%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**3** cổ đông, chiếm **0,63%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **11.666** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

7. Mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.388.578** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.682.777** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**359** cổ đông, chiếm **75,42%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **903.365.588** cổ phần, chiếm **99,05%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**4** cổ đông, chiếm **0,84%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **131.691** cổ phần, chiếm **0,01%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**17** cổ đông, chiếm **3,57%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **1.891.299** cổ phần, chiếm **0,21%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị bán cổ phiếu quỹ

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.387.578** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.683.777** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**361** cổ đông, chiếm **75,84%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **893.661.562** cổ phần, chiếm **97,98%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**10** cổ đông, chiếm **2,10%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **11.355.461** cổ phần, chiếm **1,25%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**8** cổ đông, chiếm **1,68%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **370.555** cổ phần, chiếm **0,04%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

9. Phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động của Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.388.578** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.682.777** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**357** cổ đông, chiếm **75,00%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **899.099.916** cổ phần, chiếm **98,58%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**9** cổ đông, chiếm **1,89%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **5.877.271** cổ phần, chiếm **0,64%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**14** cổ đông, chiếm **2,94%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **411.391** cổ phần, chiếm **0,05%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

10. Ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.388.578** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.682.777** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**368** cổ đông, chiếm **77,31%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **903.200.306** cổ phần, chiếm **99,03%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**0** cổ đông, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **0** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**12** cổ đông, chiếm **2,52%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **2.188.272** cổ phần, chiếm **0,24%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

11. Sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.388.578** cổ phần, chiếm **99,27%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **6.682.777** cổ phần, chiếm **0,73%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**368** cổ đông, chiếm **77,31%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **903.198.108** cổ phần, chiếm **99,03%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**2** cổ đông, chiếm **0,42%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **10.180** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**10** cổ đông, chiếm **2,10%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **2.180.290** cổ phần, chiếm **0,24%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **905.016.706** cổ phần, chiếm **99,23%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **7.054.649** cổ phần, chiếm **0,77%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**368** cổ đông, chiếm **77,31%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **902.931.396** cổ phần, chiếm **99,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**0** cổ đông, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **0** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**10** cổ đông, chiếm **2,10%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **2.085.310** cổ phần, chiếm **0,23%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

IV. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các vấn đề sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu;
2. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2018;

3. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018;
4. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019;
5. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
6. Mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;
7. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị bán cổ phiếu quỹ;
8. Phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động của Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;
9. Ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
10. Sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
11. Sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/04/2019.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Trung Nghĩa

Đặng Thị Luyến

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Lê Thanh Thủ

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 23/04/2019

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIÊN BẢN HỌP

Hôm nay ngày 23/04/2019, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ngân hàng TMCP Á Châu đã tiến hành biểu quyết thông qua các vấn đề theo chương trình của Đại hội.
Ban kiểm phiếu đã ghi nhận kết quả kiểm phiếu như sau:

I. Thông tin đại hội:

1. Tổng số lượng cổ đông (tính đến ngày đăng ký cuối cùng, 22/3/2019): **31.584 cổ đông**.
2. Tổng số cổ phần phát hành: **1.288.587.738 cổ phần**.
3. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: **1.247.165.130 cổ phần**.
4. Tổng số cổ đông dự họp tính đến thời điểm biểu quyết: **476 cổ đông**, chiếm **1,51%** trên tổng số cổ đông, đại diện cho **912.071.355 cổ phần**, chiếm **73,13%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

II. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề như sau:

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết: **891.283.423** cổ phần, chiếm **97,72%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần không tham gia biểu quyết: **20.787.932** cổ phần, chiếm **2,28%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết không hợp lệ: **0** cổ phần, chiếm 0,00% trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
- Kết quả biểu quyết như sau:

+ Tán thành:	**328** cổ đông, chiếm **68,91%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **889.603.656** cổ phần, chiếm **97,54%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không tán thành:	**0** cổ đông, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **0** cổ phần, chiếm **0,00%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.
+ Không có ý kiến:	**4** cổ đông, chiếm **0,84%** trên tổng số cổ đông dự họp, đại diện cho **1.679.767** cổ phần, chiếm **0,18%** trên tổng số cổ phần của cổ đông dự họp.

III. Kết luận:

Căn cứ Điều 33 Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu, Ban kiểm phiếu xác định Đại hội đồng cổ đông đã thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Kết quả kiểm phiếu này được báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/04/2019.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM PHIẾU

Nguyễn Trung Nghĩa

Đặng Thị Luyện

TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU

Lê Thanh Hải

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1307 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 04/4/2019 về việc thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

Đính kèm:
- *Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 23/4/2019

QUY CHẾ BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Điều 1. Các vấn đề biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019 (Đại hội)

1. Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019;
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2018;
4. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018;
5. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019;
6. Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;
7. Mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;
8. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị bán cổ phiếu quỹ;
9. Phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động của Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;
10. Ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;
11. Sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;
12. Sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu;
13. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
14. Các vấn đề khác, nếu có, theo Điều 32.3 của Điều lệ ACB.

Điều 2. Tờ biểu quyết

1. Mỗi cổ đông được phát 03 Tờ biểu quyết, 03 Tờ biểu quyết này có 13 Thẻ biểu quyết tương ứng với 13 vấn đề cần biểu quyết:

   1.1 Tờ biểu quyết thứ nhất:

   Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề "Quy chế biểu quyết các vấn đề tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019."

   1.2 Tờ biểu quyết thứ hai:

Tờ biểu quyết này có 11 Thẻ biểu quyết tương ứng với 11 vấn đề, cụ thể như sau:

a. Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu;

b. Thẻ biểu quyết về Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2018;

c. Thẻ biểu quyết về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018;

d. Thẻ biểu quyết về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019;

e. Thẻ biểu quyết về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;

f. Thẻ biểu quyết về mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;

g. Thẻ biểu quyết về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị bán cổ phiếu quỹ;

h. Thẻ biểu quyết về phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động của Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;

i. Thẻ biểu quyết về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;

j. Thẻ biểu quyết về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;

k. Thẻ biểu quyết về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.

1.3 Tờ biểu quyết thứ ba:

Tờ biểu quyết này có 01 Thẻ biểu quyết tương ứng với vấn đề "Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019."

2. Nội dung Tờ biểu quyết bao gồm:

a. Kỳ Đại hội, ngày Đại hội;

b. Họ và tên cổ đông;

c. Số cổ phần sở hữu;

d. Số phiếu biểu quyết;

e. Mã vạch để nhận dạng cổ đông (mã số cổ đông);

f. Thẻ biểu quyết tương ứng với từng vấn đề biểu quyết và các trạng thái "Tán thành," "Không tán thành," "Không có ý kiến" của từng vấn đề biểu quyết.

g. Các nội dung khác (nếu có).

3. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp kiểm tra lại hình thức, nội dung các Tờ biểu quyết của mình, nếu có sai sót thì được đổi Tờ biểu quyết khác.

4. Để thuận tiện cho việc kiểm phiếu, Tờ biểu quyết phải được giữ ngay thẳng và không được gấp lại.

Điều 3. Cách thức biểu quyết

1. Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền dự họp đánh dấu (X) vào ô "Tán thành" hoặc "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" mà mình lựa chọn cho mỗi vấn đề biểu quyết [☒].
   a. Trường hợp cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền thay đổi ý kiến thì:
   + Khoanh tròn ô đã lựa chọn [☒] và
   + Đánh dấu (X) vào ô lựa chọn mới [☒].
   b. Trường hợp cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền chọn lại ô đã khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn [■]
2. Thẻ biểu quyết được xem là không hợp lệ:
   a. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X sai vị trí quy định; và/hoặc
   b. Thẻ biểu quyết được đánh dấu X hoặc tô đen ô khoanh tròn vào cả 02 hoặc 03 ô biểu quyết; và/hoặc
   c. Thẻ biểu quyết bị tẩy xóa, viết, vẽ hay có bất kỳ ký hiệu nào trên thẻ (ngoài hướng dẫn nêu tại Khoản 1 Điều 3 của Quy chế này); và/hoặc
   d. Tờ biểu quyết không do Ban tổ chức Đại hội phát hành; và/hoặc
   e. Tờ biểu quyết bị rách, không còn nguyên vẹn.
3. Thẻ biểu quyết không đánh dấu X vào bất kỳ ô nào được xem như là cổ đông không tham gia biểu quyết đối với vấn đề tương ứng.
4. Ban kiểm phiếu thu Tờ biểu quyết theo từng đợt và tiến hành kiểm phiếu.

Điều 4. Điều kiện thông qua các vấn đề

1. Đối với việc biểu quyết thông qua Phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
2. Đối với việc biểu quyết các vấn đề còn lại thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 5. Công bố kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các vấn đề tại Điều 1 nêu trên được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

<u>Điều 6.</u> Điều khoản thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và áp dụng cho việc thông qua các vấn đề biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 23/4/2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1308 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Báo cáo của Hội đồng quản trị ngày 21/3/2019 trình Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2018.

Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2019, với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu như sau:

- Tổng tài sản tăng 15%;
- Tín dụng tăng 13%;
- Tiền gửi khách hàng tăng 15%;
- Tỷ lệ nợ xấu dưới 2%;
- Lợi nhuận trước thuế Tập đoàn khoảng 7.279 tỷ đồng.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1309 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo của Ban kiểm soát

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 21/3/2019 trình Đại hội đồng cổ đông;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Ngân hàng TMCP Á Châu.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

Đính kèm:
- *Báo cáo của Ban kiểm soát ngày 21/3/2019.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 21 tháng 3.. năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ điều 45 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại khoản 2 điều 56 của điều lệ Ngân hàng Á Châu;
- Căn cứ Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

Ban Kiểm soát báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ngân hàng Á Châu năm 2018 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Tổng kết các cuộc họp Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát họp 06 lần giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban. Nội dung các phiên họp đều có quyết nghị.

(Phiên họp ngày 19/4/2018; ngày 03/5/2018; ngày 06/7/2018; ngày 27/9/2018; ngày 05/12/2018; ngày 18/02/2019)

2. Hoạt động Ban Kiểm soát:

a. Về giám sát hoạt động hệ thống:

- Thông qua hệ thống thông tin quản lý nội bộ, Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và các tỉ lệ đảm bảo an toàn vốn; giám sát phương án cơ cấu lại Ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020; giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng như huy động vốn, sử dụng vốn, trạng thái ngoại hối, chất lượng tín dụng, chi phí điều hành, kết quả kinh doanh; giám sát thực hiện các chỉ thị/ kiến nghị của Ngân hàng nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát;...

b. Về chức năng kiểm toán nội bộ

- Ban Kiểm soát chỉ đạo và sử dụng bộ máy Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện công tác kiểm toán tại chỗ, giám sát từ xa... theo kế hoạch kiểm toán hàng năm được xây dựng và báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước. Đối tượng được kiểm toán là các Chi nhánh/ Phòng giao dịch, các Khối/ Phòng/ Ban/ Trung tâm tại Hội sở, các Công ty trực thuộc. Nội dung kiểm toán tập trung vào kiểm toán quy trình và đánh giá hiệu quả hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ, đánh giá sự thích hợp và tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, của Ngân hàng Á Châu đối với các đối tượng được kiểm toán (theo Thông tư 44).
- Trong năm 2018, Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán theo định hướng rủi ro, chú trọng các đơn vị có nợ quá hạn cao, chưa được kiểm toán trong thời hạn 03 năm, các sản phẩm/ nghiệp vụ chủ yếu của Ngân hàng có thể phát sinh rủi ro.

- Kết quả thực hiện: *(1)* kiểm toán toàn diện hoạt động của 105 chi nhánh và phòng giao dịch; *(2)* Kiểm toán việc ban hành và quản lý sản phẩm cho vay – Khối KHCN; *(3)* Kiểm toán Phòng phân tích tín dụng DN và định chế tài chính – Khối KHDN; *(4)* Kiểm toán Phòng Thanh toán nước ngoài - Khối KHDN; *(5)* Kiểm toán Phòng Sản phẩm ngân quỹ - Khối TTTC; *(6)* Kiểm toán Phòng Kinh doanh vốn – Khối TTTC; *(7)* Kiểm toán phương pháp tính và công cụ tính toán hệ số An toàn vốn theo Thông tư 41 (Basel II); *(8)* Kiểm toán Công ty Chứng khoán ACB; *(9)* Kiểm toán việc quản lý các rủi ro trọng yếu: rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản.
- Ngoài ra còn thực hiện kiểm toán, kiểm tra các nội dung khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành; Thanh tra giám sát NHNN. Kiểm toán giám sát từ xa tất cả các đơn vị trên toàn hệ thống theo các tiêu chí giám sát được bổ sung và cập nhật theo từng thời kỳ.
- Kết quả kiểm toán có các kiến nghị đề xuất nhằm khắc phục các sai sót, vi phạm; điều chỉnh, bổ sung quy định, quy trình nghiệp vụ; tăng cường hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ; kiến nghị xử lý trách nhiệm cá nhân có sai phạm tại các đơn vị được kiểm toán.
- Ban kiểm soát ban hành Quy chế về kiểm toán nội bộ Ngân hàng Á châu, chỉ đạo cải tiến nội dung và phương pháp kiểm toán để phù hợp với Thông tư 13 (hiệu lực từ 01/01/2019).

c. Giám sát hoạt động quản trị và điều hành:

c.1. <u>Phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:</u>

- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành để thực hiện chức năng nhiệm vụ và kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng, cụ thể: tham dự tất cả các phiên họp của Hội đồng Quản trị; tham gia các hội nghị triển khai hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, tham dự các phiên họp Ủy ban Quản lý rủi ro... Trong các phiên họp, Ban Kiểm soát đã thông báo về hoạt động Ban Kiểm soát, tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến vào nội dung của từng phiên họp.
- Ban Kiểm soát được Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Điều hành cung cấp thông tin, báo cáo theo yêu cầu và các dữ liệu có liên quan để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

c.2. <u>Hoạt động quản trị và điều hành:</u>

- Công tác quản trị điều hành của ACB nhằm mục tiêu: An toàn hoạt động, Xử lý những tồn tại, Thực hiện phương án cơ cấu lại Ngân hàng Á châu gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước, Tăng cường quản trị rủi ro phù hợp với các quy định của Thông tư 13, tiếp cận với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế, Tiếp tục triển khai nhận dạng thương hiệu mới trong toàn hệ thống, Ứng dụng có hiệu quả hệ thống tin học của Ngân hàng.
- Hoạt động Ngân hàng theo định hướng bán lẻ, tập trung vào các sản phẩm truyền thống huy động, cho vay, dịch vụ Ngân hàng với các đối tượng khách hàng chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ, cá nhân; chú trọng cạnh tranh bằng cách nâng cao chất lượng dịch vụ và tin học hóa sản phẩm dịch vụ Ngân hàng; Tăng tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ Ngân hàng; Cơ cấu lại tổ chức và sắp xếp mạng lưới Chi nhánh, Phòng giao dịch;

Tích cực xử lý nợ xấu, tăng trích dự phòng rủi ro;...

- Thực hiện giám sát hoạt động quản trị điều hành thông qua việc Giám sát Bảng Tổng kết tài sản và việc chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến hệ số an toàn vốn, trích dự phòng rủi ro, quản lý quỹ,...; Giám sát việc chấp hành các quy định của ACB liên quan đến chi tiêu nội bộ, huy động vốn, sử dụng vốn, giao dịch ngân quỹ, chất lượng tín dụng, ...; Giám sát các hạn mức rủi ro đã được ACB thiết lập và đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.
- Kết quả hoạt động năm 2018, ACB đã đạt được tăng trưởng về huy động vốn, cho vay, lợi nhuận, đạt và vượt các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông; Chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng, giảm tỷ lệ Nợ xấu, tích cực xử lý các khoản nợ xấu/ nợ tồn đọng; Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện triển khai áp dụng Basel II.

d. Thẩm định Báo cáo tài chính:

- Ban Kiểm soát phân công các thành viên chuyên trách kiểm tra các số liệu kế toán để thực hiện rà soát và kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018, Báo cáo tài chính cả năm 2018 của Ngân hàng và hợp nhất với các Công ty trực thuộc.
- Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc, thống nhất số liệu với Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập và thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Ngân hàng để trình Đại hội đồng cổ đông.

e. Các nội dung khác:

- Giám sát chi phí điều hành được thực hiện thông qua kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của Ngân hàng, kiểm tra việc thực hiện chi phí với kế hoạch chi phí được duyệt theo thẩm quyền, thực hiện kế hoạch chi phí theo Nghị quyết ĐHCĐ.
- Thực hiện rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng Quản trị ban hành căn cứ vào các quy định Pháp luật, quy định Ngân hàng Nhà nước liên quan đến hoạt động điều hành của Ngân hàng.
- Trưởng Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các hội nghị, các yêu cầu dự họp của NHNN, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.
- Cập nhật danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
- Theo dõi và giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Cơ quan Thanh tra giám sát, Ngân hàng nhà nước, kiểm toán độc lập.
- Báo cáo liên quan đến công tác phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của các cơ quan pháp luật.
- Báo cáo theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát Ngân hàng.

3. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát có 04 thành viên, 03 thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách. Ban Kiểm soát đã thực hiện phân công phân nhiệm cho từng thành viên để thực hiện Nhiệm vụ và Quyền hạn của Ban Kiểm soát, Quyền và Nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (theo Điều 45, 46 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 56 Điều lệ Ngân hàng).
- Trong phạm vi phân công, các thành viên tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình, đồng thời thực hiện các quyết nghị trong từng phiên họp của Ban Kiểm soát.
- Đánh giá hoạt động Ban Kiểm soát trong năm 2018 đã thực hiện được những yêu cầu về trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát, đã góp phần thực hiện được các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoạt động Ngân hàng an toàn và có hiệu quả.

II. <u>Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:</u>

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và Công ty trực thuộc:

a. *Nhận xét về báo cáo tài chính:*

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Ngân hàng và thống nhất xác nhận kết quả như sau:

- Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo Quyết định số 1913/2005/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.
- Các báo cáo tài chính năm 2018 của Ngân hàng được lập đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2007 và Thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước.
- Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính đến ngày 31/12/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018; phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành áp dụng cho lĩnh vực ngân hàng và các tổ chức tín dụng.
- Báo cáo tài chính của Ngân hàng đã được Công ty kiểm toán PwC thực hiện kiểm toán.

b. ***Về tài sản và nguồn vốn:***

Các số liệu như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TÀI SẢN	**SỐ TIỀN**
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	6.129.169
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	10.683.536
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	18.910.168
Trừ dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác	*(140.392)*
Chứng khoán kinh doanh	1.339.157
Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	*(161.185)*
Cho vay khách hàng	230.527.220
Trừ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	*(2.544.172)*
Chứng khoán đầu tư	53.836.659
Trừ dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	*(456.598)*
Góp vốn đầu tư dài hạn	161.325
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	*(5.350)*
Tài sản cố định	3.233.388
Bất động sản đầu tư	247.454
Tài sản Có khác	7.572.862
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**329.333.241**
NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	3.074.100
Tiền gửi và vay các TCTD khác	20.718.382
Tiền gửi của khách hàng	269.998.503
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	38.198
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	160.093
Phát hành giấy tờ có giá (Trái phiếu)	8.290.918
Các khoản nợ khác	6.035.148

Vốn và các quỹ *Trong đó: + Vốn điều lệ* *+ Cổ phiếu quỹ* *+ Các quỹ dự trữ*	15.913.221 *12.885.877* *(665.725)* *3.693.069*
Lợi nhuận chưa phân phối	5.104.678
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**329.333.241**

c. Về thu nhập và chi phí:

Các số liệu như sau:

ĐVT: Triệu đồng

THU NHẬP	
Thu nhập từ lãi	24.015.362
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.094.599
Thu nhập từ hoạt động khác	1.962.302
Thu nhập cổ tức từ góp vốn, mua cổ phần	26.387
Thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	241.390
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	*(78329)*
Thu nhập thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	168.534
CHI PHÍ	
Chi phí trả lãi	13.662.442
Chi phí hoạt động dịch vụ	597.073
Chi phí hoạt động khác	137.531
Chi phí quản lý chung	6.712.217
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	932.411
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**6.388.571**
Thuế thu nhập doanh nghiệp (dự kiến)	*(1.251.519)*
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (dự kiến)	**5.137.052**

2. **Đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018:**

a. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các Công ty trực thuộc đã đạt được những kết quả như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (NQ ĐHCĐ)	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện/ kế hoạch 2018 (%)
Tổng tài sản	335.493 (tăng 18% so với 2017)	329.333	98%
Dư nợ	228.290 (tăng 15% so với 2017)	230.527	101%
Tiền gửi từ khách hàng	284.844 (tăng 18% so với 2017)	269.999	95%
Lợi nhuận trước thuế	5.699	6.389	112%
Hệ số An toàn vốn	>9%	12,81%	-
Tỷ lệ nợ xấu	<2%	0,73%	-

- Tổng tài sản là 329.333 tỷ đồng, đạt 98% so với kế hoạch (theo Nghị quyết Đại hội cổ đông).
- Vốn huy động từ khách hàng đến 31/12/2018 là 269.999 tỷ đồng, đạt 95% so với kế hoạch, trong đó:
  - Tiền gửi cá nhân chiếm tỉ trọng lớn nhất (79,89%), tăng 18.419 tỷ đồng so với năm 2017.
  - Tiền gửi tổ chức chiếm tỉ trọng 20,11%, tăng 10.187 tỷ đồng so với năm 2017.
  - Tiền gửi bằng VND chiếm tỉ trọng 96,29%, tăng 28.937 tỷ đồng so với năm 2017.
  - Tiền gửi bằng ngoại tệ chiếm tỉ trọng 3,71%, giảm 331 tỷ đồng so với năm 2017.
- Tổng dư nợ tín dụng là 230.527 tỷ đồng, đạt 101% kế hoạch.
- Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5) là 0,73% tổng dư nợ.
- Lợi nhuận trước thuế là 6.389 tỷ đồng, đạt 112% so với kế hoạch, tăng 3.733 tỷ đồng so với lợi nhuận năm 2017.

b. Các nội dung khác theo Nghị quyết Đại hội cổ đông

- Đã thực hiện trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018 và phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông.

III. <u>Báo cáo kinh phí hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát:</u>

Kinh phí hoạt động năm 2018 của Ban Kiểm soát được thực hiện theo chi tiết sau:

- Thù lao Ban Kiểm soát : 4.579 triệu đồng.
- Chi phí về tài sản : 130 triệu đồng. } được phân bổ theo tỉ lệ
- Chi phí về hành chánh, quản lý khác : 276 triệu đồng. } chi phí của Hội sở
- Công tác phí và các chi phí khác : 456 triệu đồng.

Mức thù lao và kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong phạm vi thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua.

Kính trình đại hội.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

HUỲNH NGHĨA HIỆP

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1310 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất ký ngày 28/02/2019 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Ngân hàng TMCP Á Châu do Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

Đính kèm:
- *BCTC riêng và BCTC hợp nhất ký ngày 28/02/2019 của Ngân hàng TMCP Á Châu.*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2018 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2017 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	4	**6.129.164**	**4.851.704**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	5	**10.683.536**	**8.314.574**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	6	**19.118.648**	**9.295.856**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6.1	12.927.986	5.867.220
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.1	6.331.054	3.582.397
3	Dự phòng rủi ro	6.3	(140.392)	(153.761)
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	7	**899.577**	**1.035.761**
1	Chứng khoán kinh doanh		899.577	1.036.829
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	(1.068)
VI	**Cho vay khách hàng**		**225.338.911**	**193.762.433**
1	Cho vay khách hàng	8	227.759.122	195.506.443
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8.7	(2.420.211)	(1.744.010)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**	9	**53.359.019**	**52.689.288**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	8.201.643	8.007.491
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.1	45.594.643	45.111.109
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	9.3	(437.267)	(429.312)
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	10	**2.295.777**	**2.329.574**
1	Đầu tư vào công ty con	10.2	2.140.000	2.140.000
2	Vốn góp liên doanh	10.3	1.000	1.000
3	Đầu tư vào công ty liên kết	10.3	200	200
4	Đầu tư dài hạn khác	10.4	159.927	193.927
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	10.5	(5.350)	(5.553)
X	**Tài sản cố định**	11	**3.162.339**	**2.937.115**
1	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	2.595.668	2.425.869
a	Nguyên giá tài sản cố định		4.308.947	3.945.636
b	Hao mòn tài sản cố định		(1.713.279)	(1.519.767)
3	Tài sản cố định vô hình	11(b)	566.671	511.246
a	Nguyên giá tài sản cố định		848.686	756.242
b	Hao mòn tài sản cố định		(282.015)	(244.996)
XII	**Tài sản Có khác**	12	**7.574.063**	**8.180.877**
1	Các khoản phải thu	12.1	4.440.453	5.407.176
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.453.102	3.564.121
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	12.4	44.323	-
4	Tài sản Có khác	12.2	959.878	680.427
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	12.3	(1.323.693)	(1.470.847)
	TỔNG TÀI SẢN		**328.561.034**	**283.397.182**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

Mẫu B02/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2018 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2017 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	13	**3.074.100**	-
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	14	**20.752.147**	**15.380.066**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		17.207.569	12.156.574
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		3.544.578	3.223.492
III	**Tiền gửi của khách hàng**	15	**270.472.983**	**241.617.508**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	16	**38.198**	**10.491**
V	**Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	17	**160.093**	**136.466**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	18	**7.416.918**	**6.054.000**
VII	**Các khoản nợ khác**		**5.972.537**	**4.498.909**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		3.389.358	2.809.752
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	19	2.583.179	1.689.157
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**307.686.976**	**267.697.440**
VIII	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**20.674.058**	**15.699.742**
1	Vốn của tổ chức tín dụng	20	12.220.152	9.607.514
a	Vốn điều lệ		12.885.877	10.273.239
d	Cổ phiếu quỹ		(665.725)	(665.725)
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	20.1	3.369.394	2.600.746
5	Lợi nhuận chưa phân phối	20.1	5.084.512	3.491.482
a	*Lợi nhuận năm nay*		*4.355.668*	*1.775.693*
b	*Lợi nhuận lũy kế năm trước*		*728.844*	*1.715.789*
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**20.674.058**	**15.699.742**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**328.561.034**	**283.397.182**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2018 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2017 Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	37.1	40.060	47.071
2	Cam kết giao dịch hối đoái	37.1	36.616.906	37.957.544
	Cam kết mua ngoại tệ		*1.157.464*	*3.400.580*
	Cam kết bán ngoại tệ		*42.324*	*3.688.006*
	Cam kết giao dịch hoán đổi		*35.417.118*	*30.868.958*
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	37.1	3.086.779	4.119.474
5	Bảo lãnh khác	37.1	6.265.941	6.150.365

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

Trần Hùng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 2 năm 2019

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B03/TCTD

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	23.766.644	20.076.241
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	(13.606.390)	(11.827.834)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**10.160.254**	**8.248.407**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	23	1.878.562	1.413.351
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(538.857)	(333.409)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**		**1.339.705**	**1.079.942**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	25	**240.341**	**236.410**
IV	**(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	26	**(30.587)**	**40.333**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	27	**168.525**	**564.093**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		1.917.759	947.062
6	Chi phí hoạt động khác		(104.829)	(60.415)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	28	**1.812.930**	**886.647**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	29	**103.921**	**97.004**
VIII	**Chi phí hoạt động**	30	**(6.541.128)**	**(6.080.503)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**7.253.961**	**5.072.333**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	31	**(901.003)**	**(2.466.286)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**6.352.958**	**2.606.047**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(1.272.965)	(516.996)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		44.323	-
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	32	**(1.228.642)**	**(516.996)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**5.124.316**	**2.089.051**

S.Đ.K.K.D: 0301452948 - C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Hòa	Đỗ Minh Toàn	Trần Hùng Huy
Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
	Người đại diện theo Pháp luật	Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B04/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		23.886.413	19.749.879
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(13.026.466)	(11.293.980)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.339.705	1.079.942
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		385.166	461.056
05	Thu nhập khác		44.953	517.637
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		1.765.163	369.312
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý		(6.320.467)	(4.792.789)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm		(1.103.281)	(514.954)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG		**6.971.186**	**5.576.103**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(2.726.232)	(1.110.027)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(540.434)	(7.820.344)
11	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	16.065
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng		(32.252.679)	(34.477.205)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(238.171)	(4.643.282)
14	Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động		423.717	(560.653)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		3.074.100	-
16	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác		5.372.081	13.126.219
17	Tăng tiền gửi của khách hàng		28.855.475	34.270.495
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá		2.195.600	-
19	Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		23.627	13.769
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		27.707	10.491
21	Tăng khác về công nợ hoạt động		622.488	366.386
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(5.205)	(5.000)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		**11.803.260**	**4.763.017**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

Mẫu B04/TCTD

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(358.247)	(709.094)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		24.616	25.174
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		34.000	5.610
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		158.984	124.646
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**(140.647)**	**(553.664)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		2.167.000	-
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(3.000.000)	-
04	Lợi nhuận đã chia	20.1(ii, iii)	(100.000)	(130.000)
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		**(933.000)**	**(130.000)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**10.729.613**	**4.079.353**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM**		**18.611.073**	**14.531.720**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**	33	**29.340.686**	**18.611.073**

Nguyễn Văn Hòa	Đỗ Minh Toàn	Trần Hùng Huy
Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
	Người đại diện theo Pháp luật	Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 87 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2018 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2017 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quý**	4	**6.129.169**	**4.851.710**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	5	**10.683.536**	**8.314.574**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	6	**18.769.776**	**8.941.727**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	6.1	12.983.626	5.932.369
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	6.1	5.926.542	3.163.119
3	Dự phòng rủi ro	6.3	(140.392)	(153.761)
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	7	**1.177.972**	**1.236.555**
1	Chứng khoán kinh doanh		1.339.157	1.239.991
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(161.185)	(3.436)
VI	**Cho vay khách hàng**		**227.983.048**	**196.668.756**
1	Cho vay khách hàng	8	230.527.220	198.513.394
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8.7	(2.544.172)	(1.844.638)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**	9	**53.380.061**	**52.718.405**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	8.201.643	8.007.491
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.1	45.635.016	45.151.482
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	9.3	(456.598)	(440.568)
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	10	**155.975**	**190.042**
2	Vốn góp liên doanh	10.2	933	1.280
3	Đầu tư vào công ty liên kết	10.2	465	388
4	Đầu tư dài hạn khác	10.3	159.927	193.927
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	10.4	(5.350)	(5.553)
X	**Tài sản cố định**	11	**3.233.388**	**3.007.618**
1	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	2.640.643	2.474.830
a	Nguyên giá tài sản cố định		4.414.779	4.048.359
b	Hao mòn tài sản cố định		(1.774.136)	(1.573.529)
3	Tài sản cố định vô hình	11(b)	592.745	532.788
a	Nguyên giá tài sản cố định		894.744	790.433
b	Hao mòn tài sản cố định		(301.999)	(257.645)
XI	**Bất động sản đầu tư**	12	**247.454**	**256.132**
a	Nguyên giá bất động sản đầu tư		249.749	257.855
b	Hao mòn bất động sản đầu tư		(2.295)	(1.723)
XII	**Tài sản Có khác**	13	**7.572.862**	**8.130.604**
1	Các khoản phải thu	13.1	4.393.501	5.326.279
2	Các khoản lãi, phí phải thu		3.456.607	3.567.819
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	13.4	65.503	17.603
4	Tài sản Có khác	13.2	982.213	690.994
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	13.3	(1.324.962)	(1.472.091)
	TỔNG TÀI SẢN		**329.333.241**	**284.316.123**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu B02/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2018 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2017 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
I	**Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	14	**3.074.100**	-
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	15	**20.718.382**	**15.453.746**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		17.173.804	12.130.254
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		3.544.578	3.323.492
III	**Tiền gửi của khách hàng**	16	**269.998.503**	**241.392.932**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	17	**38.198**	**10.491**
V	**Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro**	18	**160.093**	**136.466**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	19	**8.290.918**	**6.761.000**
VII	**Các khoản nợ khác**		**6.035.148**	**4.530.641**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		3.409.191	2.815.502
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	2.625.957	1.715.139
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**308.315.342**	**268.285.276**
VIII	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**21.017.899**	**16.030.847**
1	Vốn của tổ chức tín dụng	21	12.220.152	9.607.514
a	Vốn điều lệ		12.885.877	10.273.239
d	Cổ phiếu quỹ		(665.725)	(665.725)
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	21.1	3.693.069	2.913.780
5	Lợi nhuận chưa phân phối	21.1	5.104.678	3.509.553
a	*Lợi nhuận năm nay*		*4.357.763*	*1.788.105*
b	*Lợi nhuận lũy kế năm trước*		*746.915*	*1.721.448*
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**21.017.899**	**16.030.847**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**329.333.241**	**284.316.123**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B02/TCTD-HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2018 Triệu VND	Tại ngày 31.12.2017 Triệu VND
1	Bảo lãnh vay vốn	39.1	40.060	47.071
2	Cam kết giao dịch hối đoái	39.1	36.616.906	37.957.544
	Cam kết mua ngoại tệ		*1.157.464*	*3.400.580*
	Cam kết bán ngoại tệ		*42.324*	*3.688.006*
	Cam kết giao dịch hoán đổi		*35.417.118*	*30.868.958*
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	39.1	3.086.779	4.119.474
5	Bảo lãnh khác	39.1	6.265.941	6.150.365

Nguyễn Văn Hòa
Kế toán trưởng

Đỗ Minh Toàn
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo Pháp luật

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
S.Đ.K.K.D: 0301452948-1-C.T.C.P * QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH *

Trần Hưng Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 28 tháng 2 năm 2019

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

Mẫu B03/TCTD-HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	24.015.362	20.319.639
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(13.652.442)	(11.861.885)
I	**Thu nhập lãi thuần**		**10.362.920**	**8.457.754**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	2.094.599	1.574.668
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(597.073)	(386.337)
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**		**1.497.526**	**1.188.331**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	26	**241.390**	**236.729**
IV	**(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	27	**(78.329)**	**25.305**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	28	**168.534**	**603.079**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		1.952.302	952.439
6	Chi phí hoạt động khác		(137.531)	(60.797)
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	29	**1.814.771**	**891.642**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	30	**26.387**	**36.069**
VIII	**Chi phí hoạt động**	31	**(6.712.217)**	**(6.217.359)**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**7.320.982**	**5.221.550**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	32	**(932.411)**	**(2.565.343)**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**6.388.571**	**2.656.207**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(1.299.419)	(556.141)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		47.900	18.065
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	33	**(1.251.519)**	**(538.076)**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**5.137.052**	**2.118.131**
XV	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	34	3.999	1.578

Nguyễn Văn Hòa	Đỗ Minh Toàn	Trần Hùng Huy
Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
	Người đại diện theo Pháp luật	Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mẫu B04/TCTD-HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		24.135.324	19.993.283
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(13.058.436)	(11.327.835)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.497.526	1.188.331
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		385.448	532.644
05	Thu nhập khác		44.701	521.423
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		1.765.163	369.312
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý		(6.472.031)	(4.920.839)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm		(1.152.435)	(557.841)
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ HOẠT ĐỘNG		**7.145.260**	**5.798.478**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(2.763.423)	(1.157.395)
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(665.001)	(7.512.729)
11	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	16.065
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng		(32.013.826)	(35.112.173)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(238.171)	(4.660.790)
14	Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động		448.784	(545.622)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15	Tăng các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		3.074.100	-
16	Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng khác		5.264.636	13.218.631
17	Tăng tiền gửi của khách hàng		28.605.571	34.341.663
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá		2.362.600	146.000
19	Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		23.627	13.769
20	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		27.707	10.491
21	Tăng khác về công nợ hoạt động		638.518	334.163
22	Chi từ các quỹ		(5.205)	(5.030)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**		**11.905.177**	**4.885.521**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 90 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
(tiếp theo)

		Thuyết minh	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 Triệu VND	2017 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định		(373.545)	(713.293)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		24.625	25.174
04	Mua sắm bất động sản đầu tư		(24.211)	-
05	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư		34.400	14.605
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		34.000	5.610
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		30.232	32.159
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**		**(274.499)**	**(635.745)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
02	Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		2.167.000	-
03	Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		(3.000.000)	-
04	Lợi nhuận đã chia	21.1(ii, iii)	(100.000)	(130.000)
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**		**(933.000)**	**(130.000)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**10.697.678**	**4.119.776**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM**		**18.698.653**	**14.578.877**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**	35	**29.396.331**	**18.698.653**

Nguyễn Văn Hòa	Đỗ Minh Toàn	Trần Hùng Huy
Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
	Người đại diện theo Pháp luật	Ngày 28 tháng 2 năm 2019

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1311 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019 về việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018, kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

1. Kế hoạch trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018:

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2018	6.388.571.226.959
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.251.518.913.836
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	5.137.052.313.123
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	879.289.213.163
4a	Quỹ DTBSVĐL của ACB	256.215.786.955
4b	Quỹ dự phòng tài chính của ACB	512.431.573.910
4c	Quỹ của các công ty con	10.641.852.298
4d	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	100.000.000.000
5	Lợi nhuận 2018 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	4.257.763.099.960
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	746.914.426.960

	Trong đó:	
6a	Đã mua cổ phiếu quỹ	665.725.228.504
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2018 (5+6-6a)	4.338.952.298.416
8	Vốn điều lệ ACB	12.885.877.380.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.288.587.738
10	Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua	41.422.608
11	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2018 (9-10)	1.247.165.130
12	Chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu (30%)	3.741.495.390.000
13	Lợi nhuận còn lại (7-12)	597.456.908.416

2. Kế hoạch lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2019:

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn ACB tại ngày 31/12/2019	7.279.000.000.000
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.455.800.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	5.823.200.000.000
4	Trích lập các quỹ, trong đó:	964.355.204.749
	Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB	100.000.000.000
5	Lợi nhuận 2019 sau khi trích lập các quỹ (3-4)	4.858.844.795.251
6	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia	1.263.182.136.920
	Trong đó:	
6a	Đã mua cổ phiếu quỹ	665.725.228.504
7	Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2019 (5+6-6a)	5.456.301.703.667
8	Vốn điều lệ ACB	12.885.877.380.000
9	Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.288.587.738
10	Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua	41.422.608
11	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm do chia cổ tức năm 2018 (30%)	374.149.539
12	Số lượng cổ phiếu được chia cổ tức năm 2019 (9-10+11)	1.621.314.669
13	Chia cổ tức năm 2019 (30%), trong đó: cổ phiếu (20%), tiền mặt (10%)	4.863.944.007.000
14	Lợi nhuận còn lại (7-13)	592.357.696.667

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm thực hiện việc chia cổ tức và tổ chức thực hiện việc chia cổ tức theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

S.Đ.K.K.D: 0301452948-1 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1312 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019 về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1. Thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 12.885.877.380.000 đồng lên 16.627.372.770.000 đồng (tăng thêm 3.741.495.390.000 đồng) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
2. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ, các chi tiết như Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019.
3. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu, chi tiết như sau:

   3.1 Mục đích phát hành:

   Việc tăng vốn điều lệ là để nâng cao năng lực kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về chuẩn mực vốn.

   3.2 Phương án phát hành:

   - Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu.
   - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
   - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

- Vốn điều lệ hiện tại: 12.885.877.380.000 đồng.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. (Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.)
- Tỷ lệ thực hiện quyền: Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 3 cổ phiếu mới.
- Số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến phát hành: 374.149.539 cổ phiếu.
- Tổng giá trị tối đa cổ phần phát hành tính theo mệnh giá: 3.741.495.390.000 đồng.
- Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2018.
- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.
- Tổng số lượng tối đa cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 1.662.737.277 cổ phiếu.
- Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 16.627.372.770.000 đồng.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2019.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2018.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Cổ phiếu phát hành phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

4. Đăng ký lưu ký bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc thay đổi vốn điều lệ ghi trong Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu từ 12.885.877.380.000 đồng lên 16.627.372.770.000 đồng.

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc tăng vốn điều lệ:

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và giải trình (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

Đính kèm:
- *Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NGÀY 23/4/2019

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phần phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm

Căn cứ:

- *Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006; và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012;*
- *Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu,*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông; phương án phát hành, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm, cụ thể như sau:

1 PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1.1 Nhu cầu thay đổi mức vốn điều lệ

Việc tăng vốn điều lệ là cần thiết vì sẽ giúp cho ACB:

- Nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh;
- Nâng cao khả năng đáp ứng các quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;
- Nâng cao năng lực đầu tư phát triển hệ thống công nghệ ngân hàng, và đầu tư xây dựng hệ thống trụ sở, mạng lưới hoạt động của ACB.

1.2 Kế hoạch tăng vốn điều lệ và phương án phát hành

ACB dự kiến thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2019 từ chia cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông cho cổ đông với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

a. Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 12.885.877.380.000 đồng.

b. Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành: 1.288.587.738 cổ phiếu.

c. Số lượng cổ phiếu quỹ đã mua: 41.422.608 cổ phiếu.

d. Số lượng cổ phiếu phổ thông được chia cổ tức năm 2018: 1.247.165.130 cổ phiếu.

e. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm:

- Vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm: 3.741.495.390.000 đồng.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/1 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến phát hành thêm: 374.149.539 cổ phiếu.

f. Tổng mức vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành:

- Số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến sau khi phát hành: 1.662.737.277 cổ phiếu.
- Vốn điều lệ thực góp tối đa dự kiến sau khi phát hành: 16.627.372.770.000 đồng.

g. Các nguồn dùng để tăng vốn điều lệ:

Chỉ tiêu	Số dư (VND)	Dùng để tăng VĐL (VND)
Lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2018	4.338.952.298.416	3.741.495.390.000
Tổng cộng	4.338.952.298.416	3.741.495.390.000

h. Hình thức tăng vốn và phát hành: Phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối lợi nhuận năm 2018.

i. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu. (Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.)

j. Tỷ lệ thực hiện quyền: 30% (phụ thuộc vào sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Theo đó, cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu hiện tại sẽ được nhận thêm 03 cổ phiếu mới.

- Người sở hữu quyền nhận cổ phiếu sẽ không được phép chuyển nhượng quyền này.
- Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được tự do chuyển nhượng.

k. Thời điểm: Dự kiến hoàn thành trong năm 2019 sau khi xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông và hoàn tất các thủ tục khác theo quy định pháp luật.

l. Phương thức thực hiện và phát hành: Cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền. Sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ACB sẽ quyết định và thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông.

m. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Việc phân bổ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông được thực hiện theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân phát sinh (nếu có) sẽ

được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.

*Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 93 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là (93*0,30) = 27,90 cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 27 cổ phiếu. Trong trường hợp này, số cổ phiếu lẻ 0,90 sẽ được phân phối cho Công đoàn ACB, làm nguồn cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên ACB.*

n. Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ trong năm 2019. (Xin xem *Phụ lục 04.)*

1.3 Phương án sử dụng vốn:

Ứng với số vốn điều lệ tối đa dự kiến tăng thêm là 3.741 tỷ đồng dự kiến sẽ được sử dụng như sau:

- Tăng vốn cho hoạt động tín dụng, đầu tư trái phiếu chính phủ, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn hoạt động, bổ sung nguồn vốn trung dài hạn: Dự kiến 2.035 tỷ đồng.
- Mua sắm thêm tài sản cố định, xây dựng cơ bản, mua sắm công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động của ACB và các chi nhánh, các dự án trong năm 2019 tổng cộng khoảng 1.706 tỷ đồng như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Hạng mục	Số tiền
1. Cải tạo sửa chữa di dời trụ sở kênh phân phối theo mô hình nhận dạng thương hiệu mới	553
2. Xây dựng văn phòng làm việc	479
3. Đầu tư các dự án: Dự án SOBA, Dự án Thẻ, PCI DSS, dự án OFSAA, nâng cấp Mobile Banking, TB Platform, K+, DigiCard, triển khai các ý tưởng kinh doanh mới, v.v.	272
4. Đầu tư thêm cho hệ thống ATM và hệ thống Thẻ	139
5. Đầu tư cho các dự án kiến trúc, bảo mật và an toàn thông tin và hạ tầng	119
6. Mua sắm lắp đặt hệ thống kỹ thuật, máy móc thiết bị cho dự án chuyển đổi kênh phân phối theo mô hình nhận dạng thương hiệu mới	60

7. Mua xe công vụ, xe chuyên dùng phục vụ kinh doanh	46
8. Đầu tư các dự án công nghệ thông tin khác	27
9. Đầu tư mua các bản quyền phần mềm	10
Tổng cộng	**1.706**

1.4 Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh sau khi thay đổi vốn điều lệ

Sau khi tăng vốn điều lệ và thực hiện các phương án sử dụng vốn như đã nêu, ACB tiếp tục tăng trưởng về quy mô tổng tài sản, dư nợ cho vay, v.v., và duy trì hiệu quả hoạt động tốt. (Xin xem *Phụ lục 01* và *Phụ lục 02*.)

Bên cạnh đó, ACB tiếp tục tuân thủ chặt chẽ các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (Xin xem *Phụ lục 03*.)

2 ĐĂNG KÝ LƯU KÝ BỔ SUNG VÀ NIÊM YẾT BỔ SUNG CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THÊM

Sau khi thực hiện tăng vốn điều lệ theo phương án nêu trên, ACB sẽ thực hiện việc đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm để chia cổ tức theo phương án nêu trên với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu tương ứng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3 KIẾN NGHỊ

Để thuận tiện cho quá trình thực hiện phương án tăng vốn điều lệ từ cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông, đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu nêu trên, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau đây:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán nhà nước và giải trình (nếu có);
- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án tăng vốn điều lệ, phương án phát hành theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và triển khai phát hành cho phù hợp;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với cơ quan chức năng sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ của Ngân hàng sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành;

- Tiến hành các thủ tục cần thiết để đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu sau khi phát hành;
- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Kính trình./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như trên;*
- *NHNNVN;*
- *UBCKNN, Sở GDCKHN;*
- *Lưu: VP HĐQT.*

Đính kèm:
- *Phụ lục 01: Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2019 của Tập đoàn ACB.*
- *Phụ lục 02: Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2019 của riêng Ngân hàng ACB.*
- *Phụ lục 03: Các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành dự kiến đến cuối năm 2019.*
- *Phụ lục 04: Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ năm 2019.*

PHỤ LỤC 01

Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2019 của Tập đoàn ACB

(Đính kèm Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án tăng vốn điều lệ ngày 21/3/2019)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2018	Dự kiến 2019	Tăng/ giảm 2019 so với 2018	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1	Tổng tài sản	329.333	378.733	49.400	15%
2	Tín dụng (*)	230.527	265.106	34.579	15%
3	Huy động tiền gửi của khách hàng	269.999	310.498	40.500	15%
4	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	23.792	26.172	2.379	10%
5	Vốn điều lệ	12.886	16.627	3.741	29%
6	Vốn chủ sở hữu	21.018	26.823	5.805	28%
7	Lợi nhuận trước thuế	6.389	7.279	890	14%
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.252	1.456	204	16%
9	Lợi nhuận sau thuế	5.137	5.823	686	13%
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	27,73%	24,34%	-3,39%	-12%
11	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	1,67%	1,64%	-0,03%	-2%

(*) Tín dụng: bao gồm Dư nợ cho vay khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế; Dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác của tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng; và Số dư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành lần đầu và mua trên thị trường thứ cấp (KHÔNG bao gồm Trái phiếu Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam phát hành, và trái phiếu do TCTD phát hành).

PHỤ LỤC 02

Quy mô và hiệu quả hoạt động dự kiến đến cuối năm 2019 của riêng Ngân hàng ACB

(Đính kèm Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án tăng vốn điều lệ ngày 21/3/2019)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2018	Dự kiến 2019	Tăng/ giảm 2019 so với 2018	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
1	Tổng tài sản	328.561	376.915	48.354	15%
2	Tín dụng (*)	227.759	261.981	34.222	15%
3	Huy động tiền gửi của khách hàng	270.473	311.058	40.585	15%
4	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	23.792	26.172	2.379	10%
5	Vốn điều lệ	12.886	16.627	3.741	29%
6	Vốn chủ sở hữu	20.674	26.419	5.745	28%
7	Lợi nhuận trước thuế	6.353	7.010	657	10%
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.229	1.402	173	14%
9	Lợi nhuận sau thuế	5.124	5.608	484	9%
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	28,18%	23,82%	-4,36%	-15%
11	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA)	1,67%	1,59%	-0,08%	-5%

(*) Tín dụng: bao gồm Dư nợ cho vay khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế; Dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác của tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng; và Số dư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành lần đầu và mua trên thị trường thứ cấp (KHÔNG bao gồm Trái phiếu Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam phát hành, và trái phiếu do TCTD phát hành).

PHỤ LỤC 03

Các tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định hiện hành dự kiến đến cuối năm 2019

(Đính kèm Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án tăng vốn điều lệ ngày 21/3/2019)

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2018	Dự kiến 31/12/2019
I	**Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu**		
1	Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ	11,01%	>=9%
2	Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất	12,81%	>=9%
II	**Giới hạn, hạn chế cấp tín dụng**		
1	Giới hạn cấp tín dụng		
A	Tổng mức cấp tín dụng lớn nhất đối với một khách hàng	10,89%	<= 15% vốn tự có của ACB
B	Tổng mức cấp tín dụng lớn nhất đối với một khách hàng và người có liên quan	13,70%	<= 25% vốn tự có của ACB
2	Hạn chế cấp tín dụng		
A	Giới hạn cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ, khoản 1 Điều 127 Luật TCTD (Khoản 2 Điều 127 Luật TCTD)	2,57%	<= 5% vốn tự có của ACB
B	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 127 Luật TCTD (Khoản 4 Điều 127 Luật TCTD)	2,38%	<=10% vốn tự có của ACB
C	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 127 Luật TCTD (Khoản 4 Điều 127 Luật TCTD)	2,38%	<= 20% vốn tự có của ACB
III	**Tỷ lệ khả năng chi trả**		
1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (quy VND)	22,85%	≥10%
2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
A	VND	78,18%	≥50%
B	USD và các ngoại tệ khác quy USD	636,26%	≥10%

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2018	Dự kiến 31/12/2019
IV	**Tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn**	32,63%	≤ 45%
V	**Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh**	17,74%	≤ 30%
VI	**Giới hạn góp vốn, mua cổ phần**		
1	Mức góp vốn, mua cổ phần của một NHTM và các công ty con, công ty liên kết của NHTM đó vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực được quy định tại khoản 4 điều 103 Luật TCTD so với Vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.	11,00%	≤11%
2	Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của một NHTM vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của NHTM đó so với Vốn điều lệ và quỹ dự trữ của NHTM.	22,28%	≤40%
3	Tỷ lệ mua, nắm giữ cổ phiếu của một TCTD khác so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết của TCTD khác đó	0,00%	< 5%
VII	**Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi**	77,47%	≤ 80%

PHỤ LỤC 04

Dự kiến thay đổi cơ cấu và tỷ lệ vốn cổ phần của các cổ đông sở hữu mức cổ phần trọng yếu, cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng sau khi tăng vốn điều lệ năm 2019

(Đính kèm Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án tăng vốn điều lệ ngày 21 / 3 /2019)

Stt	Tên cổ đông	Trước khi tăng vốn *(Tính đến 28/02/2019.)* (Tổng số cổ phần của ACB: 1.288.587.738 cổ phần.)		Sau khi tăng vốn (Tổng số cổ phần của ACB: 1.662.737.277 cổ phần.)	
		Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Sở hữu mức cổ phần trọng yếu		**310.001.101**	**24,05**	**403.001.428**	**24,24**
1	***Nhóm cổ đông có liên quan là cổ đông lớn***	***181.306.649***	***14,07***	***235.698.642***	***14,48***
	Dragon Financial Holdings Limited	88.500.356	6,87	115.050.462	6,92
	First Burns Investments Limited	51.529.024	4,00	66.987.731	4,03
	Asia Reach Investments Limited	41.277.269	3,20	53.660.449	3,23
2	***Alp Asia Finance (Vietnam) Limited*** *- Cổ đông lớn sở hữu cổ phần gián tiếp thông qua 02 công ty con sau đây:*				
	Sather Gate Investments Limited	64.347.226	4,99	83.651.393	5,03
	Whistler Investments Limited	64.347.226	4,99	83.651.393	5,03
Thành viên Hội đồng quản trị		**55.835.535**	**4,34**	**72.586.193**	**4,37**
1	Trần Hùng Huy	40.036.334	3,11	52.047.234	3,13
2	Nguyễn Thành Long	471.639	0,04	613.130	0,04
3	Dominic Timothy Charles Scriven	Không	Không	Không	Không
4	Đinh Thị Hoa	19.246	0,00	25.019	0,00
5	Đặng Thu Thủy	15.276.798	1,19	19.859.837	1,19
6	Đàm Văn Tuấn	31.518	0,00	40.973	0,00
7	Hiep Van Vo	Không	Không	Không	Không
8	Huang Yuan Chiang	Không	Không	Không	Không
Thành viên Ban kiểm soát		**371.702**	**0,03**	**483.211**	**0,03**
1	Huỳnh Nghĩa Hiệp	248.487	0,02	323.033	0,02
2	Nguyễn Thị Minh Lan	Không	Không	Không	Không
3	Hoàng Ngân	54.076	0,00	70.298	0,00
4	Phùng Thị Tốt	69.139	0,01	89.880	0,01
Tổng giám đốc		**491.962**	**0,04**	**639.550**	**0,04**
1	Đỗ Minh Toàn	491.962	0,04	639.550	0,04

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1313 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019 về mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019 như sau:

- 0,6% (không phẩy sáu phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn theo Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2019.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1314 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị bán cổ phiếu quỹ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị bán cổ phiếu quỹ;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc bán cổ phiếu quỹ, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau:

- Ban hành (các) phương án bán một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu quỹ và phương án sử dụng vốn (sau đây gọi là "Phương Án") để xin chấp thuận và/hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- Giá bán;
- Thời điểm thực hiện;
- Chỉnh sửa Phương Án nếu thấy cần thiết trong phạm vi số cổ phiếu quỹ của ACB;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn;
- Nội dung tài liệu, hợp đồng, thỏa thuận cần phải ký với đối tác;
- Nội dung hồ sơ, tài liệu nộp lên cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- Các vấn đề và thủ tục cần thiết hoặc nên làm để thực hiện thành công Phương Án.

Hội đồng quản trị được giao và/hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện bất kỳ quyền hay công việc nào được ủy quyền trên đây.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

S.Đ.K.K.D: 0301452948-1 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH

Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU Số: 1315 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động của Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019 về phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động của Ngân hàng TMCP Á Châu năm 2019;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ để làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động và Phương án sử dụng vốn như sau:

1. Phương án bán cổ phiếu quỹ:
   - Loại cổ phiếu: Cổ phiếu quỹ.
   - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
   - Tổng số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán tối đa: 6.222.000 cổ phiếu.
   - Giá bán dự kiến không thấp hơn giá vốn bình quân của cổ phiếu quỹ: 16.072 đồng/cổ phiếu.
   - Tổng giá trị cổ phiếu quỹ bán ra tính theo mệnh giá: 62.220.000.000 đồng.
   - Tổng giá trị giao dịch cổ phiếu tính theo giá bán dự kiến: 100.000.000.000 đồng.
   - Nguồn tiền mua cổ phiếu quỹ: từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của ACB.
   - Thời gian thực hiện: Trong năm 2019, thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế và hồ sơ xin phép các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phương án sử dụng vốn:

   Số tiền thu được từ việc bán cổ phiếu quỹ sẽ được sử dụng để tăng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh. Phương án sử dụng vốn cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Ủy quyền:

   - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc bán cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng, phân phối cho người lao động, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nội dung sau: Ban hành phương án bán cổ phiếu quỹ và phương án sử dụng vốn (sau đây gọi là "Phương Án") để xin chấp thuận và/hoặc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Giá bán; Thời điểm thực hiện; và Các vấn đề và thủ tục cần thiết hoặc nên làm để thực hiện thành công Phương Án.
   - Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành Quy chế về phân phối, thưởng cổ phiếu cho người lao động; phê duyệt danh sách người lao động được thưởng, phân phối.
   - Hội đồng quản trị được giao/ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng giám đốc thực hiện bất kỳ quyền hay công việc nào được ủy quyền trên đây.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 1316 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019 về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

Đính kèm:
- *Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1316/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của ĐHĐCĐ của Ngân hàng TMCP Á Châu)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ đối với Ngân hàng TMCP Á Châu ("Ngân hàng"), bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Người điều hành;
5. Người phụ trách quản trị Ngân hàng;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Người điều hành khác và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
3. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản trị ngân hàng: là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
   a. Đảm bảo cơ cấu quản trị (bao gồm cả kiểm soát và điều hành) hợp lý;
   b. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành;
   c. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan của cổ đông;
   d. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
   e. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Ngân hàng.
2. Cổ đông lớn của Ngân hàng: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là "Thành viên không điều hành"): là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những Người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.
4. Người phụ trách quản trị Ngân hàng: là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 43 Quy chế này.

Các từ ngữ và thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Quy chế này thì được hiểu như quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật sẽ được áp dụng.
2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với quy định của Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và/hoặc quy định mới của pháp luật.

Điều 5. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Đảm bảo cơ chế quản trị Ngân hàng hiệu quả và phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế.
3. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của các cổ đông; và đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.
5. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
6. Minh bạch trong hoạt động của Ngân hàng.

Chương II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, cổ đông còn có các quyền sau đây:
   a. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
   b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quy định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quy định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quy định đó theo quy định của pháp luật.

3. Nghĩa vụ của cổ đông lớn:

   Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

   a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích của Ngân hàng và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

   b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và các cơ quan liên quan Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

   a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

   b. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp trong một số trường hợp nhất định được quy định theo Điều lệ Ngân hàng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; và số lượng cổ phần từng loại.

3. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, Thông báo họp có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin Sở giao dịch chứng khoán, 01 tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi Ngân hàng đóng trụ sở chính. Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu, Thông báo họp có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, Thông báo họp có thể được gửi tới từng cá nhân trong phong bì dán kín để tại nơi làm việc. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, Thông báo họp có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Thông báo họp phải được gửi ít nhất 15 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày Thông báo họp được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Nếu Ngân hàng có một trang thông tin điện tử (web), Thông báo họp phải được đăng trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi Thông báo họp cho các cổ đông.

Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 8 Quy chế này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền lại cho người khác dự họp bằng văn bản nếu được cổ đông đồng ý nhưng không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử đi dự họp thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
3. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:
    a. Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình;
    b. Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số chứng minh thư nhân dân của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân), số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ

thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền.

4. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
   a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc uỷ quyền;
   c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng:
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định/nghị quyết của Hội đồng quản trị;
3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
4. Hoạt động của các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị;
5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và Người điều hành khác;
6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Ngoài việc thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định có liên quan của pháp luật, Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng;
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác;

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 12. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
2. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và được cấp một "Tờ biểu quyết" do Ngân hàng phát hành, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của người đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
3. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
4. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc phiếu không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
5. Ban kiểm phiếu có số lượng không quá 03 (ba) người được Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết bầu theo đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa giới thiệu nhân sự bầu vào Ban kiểm phiếu, quyết định phương thức kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết bằng giơ tay hoặc phương thức khác và phân công bộ phận tổ chức cuộc họp tiến hành kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết. Ban kiểm phiếu làm việc theo sự chỉ đạo của Chủ tọa.
6. Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ toạ họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và phổ biến cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa của Đại hội và thư ký ký tên, chủ yếu gồm các nội dung sau đây:
   a. Ngày tháng và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
   b. Chương trình họp;
   c. Đại biểu tham dự, họ tên chủ tịch (chủ tọa) và thư ký;
   d. Tóm tắt các bài phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến và những vấn đề còn tồn đọng;

f. Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự;

g. Tổng số phiếu về từng vấn đề; và

h. Tên và chữ ký của chủ tịch (chủ tọa) và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm bế mạc cuộc họp.

Điều 14. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được công bố thông tin cùng với biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại các Điều 29 và 34 của Điều lệ Ngân hàng và có giá trị hiệu lực cao nhất trong Ngân hàng. Mọi bộ phận, cá nhân (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban điều hành), cổ đông (tổ chức và cá nhân) đều có nghĩa vụ thi hành.

Điều 15. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều phối việc chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 34 của Điều lệ Ngân hàng và được gửi cho các cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là Người điều hành.
5. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Biên bản kết quả kiểm phiếu có thể gửi trực tiếp và/hoặc thông qua trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Việc gửi biên bản kiểm phiếu cho các cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Chi phí liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Ngân hàng chi trả. Khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông phải tự chịu mọi chi phí phát sinh, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Chương III
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
   a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
   b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;
   c. Có bằng đại học trở lên;
   d. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
   e. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;

b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

d. Không trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 18. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

4. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ học vấn;

   c. Trình độ chuyên môn;

   d. Quá trình công tác;

   e. Tên các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác (nếu có);

   f. Các lợi ích có liên quan tới Ngân hàng (nếu có);

   g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên đó (nếu có);

   h. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 20. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:

   a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

   b. Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

   c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

   d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

   e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

   f. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.

2. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 21. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
   b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
   c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   e. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng;
   f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Chương IV
TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, lập biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 23. Thông báo quyết định của Hội đồng quản trị

Quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 (một) bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát thực hiện và 01 (một) bản sao cho Tổng giám đốc để biết, thực hiện sau khi ban hành.

Chương V
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Từ 21 (hai mươi mốt) tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

d. Không phải là Người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng:

e. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

f. Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.

Điều 25. Đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 18 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện như cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Điều 27. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
   b. Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật Các tổ chức tín dụng về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
   c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;

d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

f. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;

b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Ngân hàng;

c. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 28. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát.

3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.

6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung thành viên còn thiếu.

Chương VI
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các ủy ban sau:
   a. Ủy ban Quản lý rủi ro;
   b. Ủy ban Nhân sự;
   c. Ủy ban Chiến lược;
   d. Ủy ban Đầu tư.

Việc thành lập các ủy ban được thực hiện theo Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng ủy ban.
3. Người đứng đầu các ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro. Các ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị.
4. Việc thành lập và hoạt động của các ủy ban được thực hiện như sau:
   a. Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập các ủy ban và quyết định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức, thành viên của các ủy ban.
   b. Một ủy ban phải có tối thiểu 03 (ba) thành viên, gồm chủ nhiệm ủy ban là thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên khác do Hội đồng quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm.
   c. Sau khi được thành lập, chủ nhiệm ủy ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của ủy ban phù hợp với Quy định về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 30. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các ủy ban

Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của từng ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành.

Chương VII
NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Người điều hành

1. Người điều hành phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện chung sau đây:

a. Từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên và có đủ năng lực hành vi dân sự;

b. Có năng lực chuyên môn và có khả năng điều hành;

c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có trình độ ngoại ngữ phù hợp;

d. Phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

e. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt và trung thực;

f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành có hiệu lực trong từng thời kỳ.

2. Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không thuộc đối tượng không được là Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; Có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

d. Có sức khoẻ, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực;

e. Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Phó Tổng giám đốc phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này;

b. Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng giám đốc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định khác có liên quan của pháp luật;

c. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn sẽ đảm nhiệm.

4. Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.

5. Phó Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;

b. Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 32. Việc bổ nhiệm Người điều hành

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người điều hành phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

2. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 33. Ký hợp đồng lao động với Người điều hành

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện cho Ngân hàng sẽ ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật hoặc người được Tổng giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật ủy quyền sẽ ký hợp đồng lao động với Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 34. Bổ nhiệm, tái bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc sau khi đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải được báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trình tự, thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

3. Trường hợp Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ Ngân hàng đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.

4. Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc,

Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ Ngân hàng, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ Ngân hàng, đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc; và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng giám đốc gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.

6. Trường hợp tái bổ nhiệm Tổng giám đốc thì thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 35. Miễn nhiệm Người điều hành khác

Việc miễn nhiệm Người điều hành khác thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị ban hành.

Chương VIII
PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 36. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp định kỳ hay bất thường của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị và phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

5. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và Người điều hành khác

1. Phối hợp hoạt động trong triển khai các nhiệm vụ được giao được thực hiện như sau:
   a. Tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị/người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan cùng dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).
   b. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban điều hành hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác chủ trì, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan cùng tham dự họp và đóng góp ý kiến (nếu có). Nội dung cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi một bản cho Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo.
   c. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị.
   d. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của các thành viên Hội đồng quản trị, thì Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Hội đồng quản trị đó được phân công thực hiện.
   e. Tổng giám đốc và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
   f. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc chỉ đạo việc báo cáo cho Hội đồng quản trị theo yêu cầu. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc có liên quan đến các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới đều phải được gửi 01 (một) bản đến Chủ tịch Hội đồng quản trị để báo cáo. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nghiệp vụ được phân công/giao.

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Tổng giám đốc và Người điều hành khác

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm

soát có thể góp ý kiến (nếu có). Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác gửi cho Ban kiểm soát 01 (một) biên bản họp này.

2. Tổng giám đốc và Người điều hành khác thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, nếu có yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, thì Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác phải thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban điều hành và Người điều hành đó được phân công thực hiện.

4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát.

5. Tổng giám đốc và Người điều hành khác chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

Chương IX
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 39. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ban hành.

2. Hội đồng quản trị sẽ đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

3. Ban kiểm soát sẽ đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh khác do Ban kiểm soát bổ nhiệm.

4. Tổng giám đốc sẽ đánh giá hoạt động của các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.

Điều 40. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, kiểm soát và điều hành Ngân hàng và trong việc thực hiện các nhiệm vụ khác được giao, sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và Ngân hàng.

2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng và kỷ luật của Ngân hàng.

Điều 41. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng thì tuỳ theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Ban kiểm soát có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Chương X
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Điều 42. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Điều 43. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm làm thư ký Ngân hàng theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng có quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d. Tham dự các cuộc họp;
   e. Tư vấn thủ tục lập các quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 44. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng

Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng.

Chương XI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với quy định của pháp luật./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA/CHỦ TỊCH HĐQT

S.Đ.K.K.D: 0301452948-1 NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH

Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 1317 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019 về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu, và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế (sửa đổi, bổ sung) về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

Đính kèm:
- *Quy chế (sửa đổi, bổ sung) về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1317 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu)

MỤC I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng.)

Điều 2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Hội đồng quản trị tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định của Ngân hàng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Luật Các tổ chức tín dụng* là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017.
2. *Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
3. *Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
4. *Thành viên độc lập Hội đồng quản trị* là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật.
5. *Cổ đông lớn của Ngân hàng* là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
6. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

7. *Công ty con của Ngân hàng* là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 30 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

MỤC II
CƠ CẤU TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.
2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

Điều 6. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị:

1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;
6. Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại tổ chức tín dụng;

7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
12. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng:

1. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Ngân hàng hoặc là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng;
2. Không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là Người điều hành của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 7 Quy chế này;

2. Có đạo đức nghề nghiệp.
3. Có bằng đại học trở lên.
4. Có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
5. Đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị: Ngoài những tiêu chuẩn nêu tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 10. Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.
2. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.
3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, Người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng.
4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
5. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
   a. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
   b. Vi phạm quy định tại Điều 7 Quy chế này;
   c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của tổ chức tín dụng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
   d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
   đ. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
   e. Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y trước đây của những người bị mất tư cách quy định tại Khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 12. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
   b. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị của Ngân hàng;
   c. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   d. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   e. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.
   f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.

Điều 13. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình ĐHĐCĐ quyết định.
4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý.
7. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 14. Cơ cấu Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có Thường trực Hội đồng quản trị, các ủy ban hoạt động thường xuyên: Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, và Ủy ban Đầu tư.
2. Ngoài các cơ cấu nói trên, khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các ủy ban khác hoạt động thường xuyên, hoặc hoạt động để giải quyết một/một số vấn đề nhất định và tự động giải thể khi kết thúc công việc.

Điều 15. Thường trực Hội đồng quản trị

1. Cơ quan thường trực Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và một số thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị, những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng quản trị quyết định. Thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo lại tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất.

Điều 16. Ủy ban Quản lý rủi ro

1. Ủy ban Quản lý rủi ro gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ nhiệm Ủy ban. Ủy ban Quản lý rủi ro có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tối thiểu 01 (một) thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
2. Ủy ban Quản lý rủi ro có các chức năng sau:
   a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
   b. Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
   c. Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao.

e. Các chức năng, nhiệm vụ khác quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 17. Ủy ban Nhân sự

1. Ủy ban Nhân sự gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ nhiệm Ủy ban. Ủy ban Nhân sự có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Ủy ban Nhân sự có chức năng sau:
   a. Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị về vấn đề tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Ngân hàng.
   b. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về cơ cấu quản trị điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và định hướng chiến lược phát triển của Ngân hàng.
   c. Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô và cơ cấu Hội đồng quản trị, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
   d. Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
   e. Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của Ngân hàng.
   f. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

Điều 18. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Văn phòng Hội đồng quản trị là bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị. Thành phần Văn phòng Hội đồng quản trị gồm Giám đốc Văn phòng, Ban thư ký (công ty) và các chuyên viên/nhân viên khác. Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị phê chuẩn.
2. Ban thư ký thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ thư ký công ty theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn, Quy chế quản trị nội bộ Ngân hàng và các quy định pháp luật khác áp dụng đối với một tổ chức tín dụng là công ty niêm yết.

Điều 19. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
   b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 20. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban/ủy ban/hội đồng của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định Hội đồng quản trị.

MỤC III
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Các tổ chức tín dụng.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Ngân hàng, Thư ký công ty, và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng với Người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Người điều hành đó.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật Các tổ chức tín dụng.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.
9. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn và người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát Tổng giám đốc và Người điều hành khác trong năm tài chính.
11. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
14. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
15. Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

16. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
17. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
18. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
20. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
21. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
22. Có thể ủy quyền cho các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 22. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
3. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.
7. Ký văn bản ủy quyền cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt.
8. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
9. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung.

11. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.
3. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
5. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
6. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
7. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
8. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 24. Họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp thường kỳ: Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

   Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị được tiến hành theo đề nghị của:
   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
   b. Thành viên Hội đồng quản trị;

c. Trưởng Ban kiểm soát;

d. Tổng giám đốc;

e. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính; và

f. Phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các Điểm b, c, d, e Khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS phải có ngay văn bản báo cáo với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp Hội đồng quản trị để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, bầu một thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuẩn y theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Hội đồng quản trị không đủ túc số để tổ chức họp và thông qua quyết định thì Ban kiểm soát có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Ngân hàng.

   Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.

4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.

5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu biểu quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Hội đồng quản trị trước khi họp.

6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng quản trị lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ

đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

7. Biểu quyết:
   a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
   b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
   c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.
   d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị, tại đây Hội đồng quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng quản trị gần nhất sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
10. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

11. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các Người điều hành, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban/ủy ban/hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban/ủy ban/hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban/ủy ban/hội đồng hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Điều 25. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản đó.

2. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
3. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
2. Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến;
   đ. Phương án biểu quyết, bao gồm: Tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
   g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng.
5. Thư ký công ty kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
   c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
   đ. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của

Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu kèm quyết định, nghị quyết mà Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
9. Quyết định/nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định/nghị quyết được thông qua tại cuộc Hội đồng quản trị.

MỤC IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc sửa đổi, bổ sung nội dung của Quy chế này theo quy định của pháp luật.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA/CHỦ TỊCH HĐQT

S.Đ.K.K.D: 0301452948 - NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU - QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH

Trần Hùng Huy

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU Số: 1318 /TCQĐ-ĐHĐCĐ.19	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- *Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;*
- *Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;*
- *Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Tờ trình Đại hội đồng cổ đông ngày 21/3/2019 về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/4/2019,*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung sửa đổi và bổ sung Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu, và ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế (sửa đổi, bổ sung) về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu, và các đơn vị hữu quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *Lưu: VP HĐQT; P TH.*

Đính kèm:
- *Quy chế (sửa đổi, bổ sung) về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu.*

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

QUY CHẾ VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1318/TCQĐ-ĐHĐCĐ.19 ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Á Châu)

MỤC I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Á Châu (Ngân hàng).

Điều 2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT).

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

BKS tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Ngân hàng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
2. *Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch, thành viên HĐQT; Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
3. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
4. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật CTCTD.
5. *Công ty con của Ngân hàng* là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 30 Điều 4 Luật CTCTD.
6. *Luật CTCTD* là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017.

MỤC II
CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Số lượng thành viên BKS

1. BKS của Ngân hàng có ít nhất 03 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ của Ngân hàng quy định, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.
2. Trường hợp số thành viên BKS không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS.

Điều 6. Nhiệm kỳ của BKS, thành viên BKS

Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 7. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là thành viên BKS của Ngân hàng:

1. Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật CTCTD;
2. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
3. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên HĐQT, thành viên HĐTV, thành viên BKS của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng:
4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
5. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐTV, thành viên HĐTV, Trưởng BKS, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
6. Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng Ngân hàng.

Điều 8. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Trưởng BKS không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

1. Thành viên HĐQT, thành viên HĐTV, người điều hành, nhân viên của cùng một tổ chức tín dụng hoặc công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Tổng giám đốc của Ngân hàng là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
2. Thành viên HĐQT, thành viên HĐTV, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên BKS của doanh nghiệp đó đang là thành viên HĐQT, thành viên HĐTV, người điều hành tại tổ chức tín dụng.

Điều 9. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm

Thành viên BKS phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật CTCTD;
2. Có đạo đức nghề nghiệp;
3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
4. Không phải là người có liên quan của người quản lý tổ chức tín dụng:
5. Thành viên BKS chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 10. Đương nhiên mất tư cách

1. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên BKS:
   a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
   b. Vi phạm quy định tại Điều 33 của Luật CTCTD về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
   c. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
   d. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
   e. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
   f. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
2. HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên BKS đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên BKS đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên BKS của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 11. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Trưởng ban, thành viên BKS của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
   a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
   b. Có đơn xin từ chức gửi HĐQT, BKS của Ngân hàng:
   c. Không tham gia hoạt động của BKS trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
   d. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật CTCTD;
   e. Các trường hợp khác do Điều lệ của Ngân hàng quy định.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên BKS của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Thay thế thành viên BKS

1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách thành viên BKS, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng BKS.
2. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tô chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng BKS theo quy định hiện hành.
3. Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên BKS hoặc không đủ số thành viên BKS tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên BKS theo quy định, BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên BKS.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 13. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên BKS phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà

mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;

b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên HĐQT, thành viên HĐTV, thành viên BKS, Tổng giám đốc (Giám đốc).

2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 14. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên BKS

Thành viên chuyên trách của BKS, thành viên BKS không phải là cổ đông được hưởng lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các thành viên BKS khác được hưởng thù lao công vụ. Mức lương hoặc thù lao công vụ của thành viên BKS do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các thành viên BKS được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên BKS và số phí công vụ mà mỗi thành viên BKS đã nhận được nêu chi tiết trong báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

MỤC III
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của BKS

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng: báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
6. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc của Ngân hàng: lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
8. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật CTCTD và Điều lệ của Ngân hàng.
9. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật CTCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
11. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 16. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng BKS

1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS quy định tại Luật CTCTD.
2. Chuẩn bị chương trình họp của BKS trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
3. Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.
4. Thay mặt BKS triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Luật CTCTD hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường.
5. Tham dự cuộc họp HĐQT phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS.
8. Bảo đảm các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 17. Quyền, nghĩa vụ của thành viên BKS

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.
2. Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS.
3. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập BKS họp bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công
6. Báo cáo Trưởng BKS về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

Điều 18. Họp BKS

1. Cuộc họp thường kỳ: BKS họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:
   a. Chủ tịch HĐQT;
   b. Trưởng BKS;
   c. Thành viên BKS;
   d. Tổng giám đốc;
   e. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các Điểm a, c, d, e Khoản 2 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp BKS, HĐQT và các thành viên BKS phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên BKS đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp BKS được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.

5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp BKS được tiến hành sau 5 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên BKS. Thông báo về cuộc họp BKS được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp BKS và cả các phiếu bầu cho những thành viên BKS không thể dự họp. Những thành viên BKS này sẽ gửi phiếu bầu cho BKS trước khi họp.
6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp BKS được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên BKS trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên BKS được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng BKS phải triệu tập tiếp cuộc họp BKS lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp BKS không đủ số thành viên tham dự, Trưởng BKS phải thông báo cho HĐQT biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên BKS.
7. Biểu quyết:
   a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp BKS. Nếu thành viên BKS không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên BKS khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
   b. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
   c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được thành viên BKS đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ.
   d. Bất kỳ thành viên BKS nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên BKS nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT và cuộc họp BKS, tại đây HĐQT và BKS sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của HĐQT và cuộc họp gần nhất của BKS sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).
10. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
    a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
    b. Số lượng thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS.

Điều 19. Biên bản họp BKS

Cuộc họp BKS phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên BKS tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp BKS. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp BKS cho các thành viên BKS và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp BKS trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

Điều 20. Bộ máy giúp việc của BKS

BKS có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

MỤC IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua.
2. ĐHĐCĐ ủy quyền cho BKS thực hiện việc sửa đổi, bổ sung và phê chuẩn các nội dung cần thiết của Quy chế này theo quy định pháp luật.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

S.Đ.K.K.D: 0301452948-1 C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU QUẬN 3 TP HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Nghĩa Hiệp